

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1201/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thân Thị T, sinh năm 1983; thường trú: Số 9/95A, khu phố A, phường B, thành phố C tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ 20B, khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Anh Kiều Xuân H, sinh năm 1983; tạm trú: Tổ 20B, khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Bình Dương.

(Chị Thân Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Kiều Xuân H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thân Thị T trình bày:

Chị Thân Thị T và anh Kiều Xuân H quen nhau hơn 06 tháng, sau đó tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2006, ngày 31/7/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ 9/95A, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương; đến năm 2011 thì chuyển về sinh sống tại tổ 20B, khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H ăn chơi, thường xuyên gây nợ nần để chị T phải trả nợ thay, anh H chỉ biết lo cho

bản thân mà không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Anh H thường đi làm xa nhà dẫn đến mất dần tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân được 02 năm. Tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Thân Thị T và anh Kiều Xuân H có một con chung là Kiều Gia B, sinh ngày 28/02/2007. Sau ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Kiều Xuân H:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, viết bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ngày 10/02/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Thân Thị T và anh Kiều Xuân H tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường E và được cung cấp như sau:* Hội Liên hiệp phụ nữ phường E không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Thân Thị T và anh Kiều Xuân H. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường E cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường E cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Thân Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Kiều Xuân H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị T và anh Kiều Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2006, ngày 31/7/2006 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Nguyên đơn chị Thân Thị T cho rằng do anh H ăn chơi, thường xuyên gây nợ nần để chị T phải trả nợ thay, anh H chỉ biết lo cho bản

thân mà không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Anh H thường đi làm xa nhà dẫn đến mất dần tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân được 02 năm.

Xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh Kiều Xuân H có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Thân Thị T và anh Kiều Xuân H có một con chung là Kiều Gia B, sinh ngày 28/02/2007. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tòa án đã triệu tập anh H để trình bày ý kiến về con chung nhưng anh H vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”*. Xét cháu Kiều Gia B đang sống ổn định với chị T; đồng thời cháu Bảo cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao cháu Bảo cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thân Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thân Thị T đối với bị đơn anh Kiều Xuân H về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị T được ly hôn với anh Kiều Xuân H (Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2006, ngày 31/7/2006 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về con chung: Giao con chung Kiều Gia B, sinh ngày 28/02/2007 cho chị Thân Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thân Thị T về việc không yêu cầu anh Kiều Xuân H cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Kiều Xuân H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Thân Thị T không được cản trở anh Kiều Xuân H thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Thân Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039815 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trang